

Số: /GXN-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất và kinh doanh phân bón
công suất 9.900 tấn/năm tại xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa,
tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Thành Nông Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ XÁC NHẬN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên chủ dự án: Công ty cổ phần Thành Nông Thanh Hóa

Địa điểm hoạt động: Xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại: 0912 105 872

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số: 2802407467, đăng ký lần đầu ngày 08/6/2016. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất và kinh doanh phân bón công suất 9.900 tấn/năm tại xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Thành Nông Thanh Hóa.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất và kinh doanh phân bón công suất 9.900 tấn/năm tại xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Thành Nông Thanh Hóa;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Công trình thu gom, xử lý nước thải.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn trên mái nhà xưởng, khu vực vực sân, bãi → Mương thu gom → Hồ lắng cặn (kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m) → Ống PVC, DN (160 – 2000) → Ao sinh học kết hợp ao chứa nước PCCC (200m³) → Môi trường; nước mưa chảy tràn trên các mái nhà văn phòng, nhà ăn, nhà kho → Mương thu gom → Môi trường xung quanh.

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải vệ sinh cá nhân của CBCNV (đại, tiểu tiện) → 02 bể tự hoại 03 ngăn (12m³/bể) → Ống PVC → Ao sinh học kết hợp ao chứa nước PCCC (200m³) → Môi trường; nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp, nhà ăn → Song chắn rác → Bể tách dầu mỡ (2,0 x 1,5 x 1,0 = 3 m³) → Bể lắng cặn → Ống PVC → Ao sinh học kết hợp ao nước PCCC (200m³) → Môi trường.

- *Nước thải sản xuất*: Nước thải xử lý bụi và khí thải từ phân xưởng sản xuất phân vô cơ → Bể lắng (9 m³) → Bơm quay lại tái sử dụng, bùn cặn thu hồi làm phụ gia sản xuất phân, nước hao hụt do bay hơi được bổ sung định kỳ.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B) với hệ số K = 1,2.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- *Bụi, khí thải tại phân xưởng sản xuất phân bón vô cơ*: Bụi, khí thải phát sinh từ khâu viên, tạo hạt; tại các thùng sấy, thùng quay làm nguội sản phẩm → các chụp hút → Đường ống dẫn khí → 02 Buồng lắng bụi (buồng được xây bằng gạch đặc, trần BTCT có thể tích 64m³/buồng) → Qua 02 quạt hút, mỗi quạt có công suất 3,7 Kw (đặt tại vị trí phía sau buồng thu bụi) → Đường ống bằng thép DN450mm → Bể nước 03 ngăn có tổng thể tích 34 m³ → Giàn phun nước dập bụi, hấp thụ khí thải → Ống khói cao 32 m ra môi trường; Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn ép hạt → Chụp hút → Đường ống dẫn → Bể nước hấp thụ có dung tích 3,0 m³ → Môi trường (định kỳ nạo vét bùn chuyển về làm nguyên liệu đầu vào sản xuất).

- *Bụi, khí thải tại phân xưởng sản xuất phân bón hữu cơ*: Bụi, khí thải phát sinh từ khâu phối trộn nguyên liệu, ép hạt → Chụp hút → Môi trường.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (Cột B) với hệ số K_p= 1,0; K_v = 1,2.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường

- *Đối với chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn sinh hoạt tại Nhà máy → Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy → Tập kết vào khu vực chứa chất thải sinh hoạt có mái che phía sau nhà ăn → Tổ thu gom rác thải của thôn Xuân Phú, xã Hoàng Xuân → Đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo định.

- *Chất thải rắn công nghiệp*: Các loại bao bì đựng phân bón nguyên liệu được tận dụng để tái sử dụng; bao bì rách thu gom bán cho các cơ sở tái chế; bụi thu gom tại các buồng thu bụi được đưa trở lại làm nguyên liệu sản xuất; xỉ than từ quá trình đốt than được tập kết ra bãi chứa phía trước lò đốt → Bán cho cơ sở sản xuất gạch không nung; bùn từ các bể hấp thụ xử lý khí thải định kỳ hằng tháng thu gom làm nguyên liệu sản xuất.

4. Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải; pin, bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ thải;...) được phân loại, thu gom riêng vào thùng chứa chuyên dụng → lưu giữ tại nhà kho chất thải nguy hại → chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định

5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Ban hành và niêm yết công khai các nội quy về an toàn lao động, an toàn vận hành máy móc, thiết bị, PCCC tại các khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng sản xuất;

- Lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị PCCC theo đúng quy định của cơ quan PCCC tỉnh Thanh Hóa thẩm định; trên mái các khu nhà lắp đặt hệ thống chống sét: gồm kim thu sét, dây dẫn sét bằng thép, cọc tiếp địa; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị sử dụng điện để tránh xảy ra sự cố cháy nổ do chập điện; kiểm tra các trang thiết bị PCCC để đảm bảo các thiết bị PCCC hoạt động tốt.

6. Chương trình quan trắc môi trường

6.1. Quan trắc nước thải

- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm (03 tháng/01 lần).
- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD₅, Nitrat, Amoni, hàm lượng dầu mỡ và Coliform.
- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại ao sinh học.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B) với hệ số K = 1,2.

6.2. Quan trắc môi trường khí thải

- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm (03 tháng/01 lần).
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, NO_x, SO₂, NH₃, H₂S.
- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất phân bón vô cơ trước khi thải ra môi trường.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (Cột B) với hệ số K_p = 1,0; K_v = 1,2.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự thay đổi liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định./.